

Bản án số: 144/2019/HSST

Ngày: 26/12/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG - TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thúy Hằng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vũ Kim Hoa

2. Ông Lưu Danh Thùy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Long - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2019. Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 129/2019/HSST ngày 02 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 242/2019/QĐXXST- HS ngày 13 tháng 12 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **TRẦN B** (tên gọi khác: không) - sinh ngày 20/4/ 1971 tại: thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Nơi đăng ký HKTT: tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Chỗ ở hiện nay: tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; Nghề nghiệp trước khi phạm tội: không nghề; trình độ học vấn: 12/12 phổ thông; Dân tộc: kinh; giới tính: nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Chức vụ Đảng, chính quyền, đoàn thể trước khi phạm tội: không; Con ông: Trần Văn H (đã chết năm 1994); Con bà: Trần Thị T - Sinh năm 1935 (Trú tại: tổ H, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Anh, chị, em ruột: có 5 anh em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; Vợ: Lê Hồng Y - sinh năm 1974 (đã ly hôn năm 2005; Trú tại: phường T, thành phố C, tỉnh Cao Bằng); Con: có 01 con sinh năm 1997.

Tiền sự: không;

Tiền án: 02 tiền án:

+ Ngày 29 tháng 4 năm 2005, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

+ Ngày 21 tháng 12 năm 2012, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Về nhân thân:

+ Ngày 26 tháng 7 năm 1993 Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 03 năm tù về tội Buôn lậu.

+ Ngày 28 tháng 10 năm 1993 Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản công dân.

+ Ngày 27 tháng 5 năm 1998, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 08 năm tù về các tội Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Cao Bằng từ ngày 02 tháng 8 năm 2019; "Có mặt".

- *Người có quyền lợi liên quan:* Phan Thị H - sinh năm 1982;

Nơi cư trú: tổ B, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng; "Vắng mặt, có lý do".

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 17 giờ 00 phút ngày 02 tháng 8 năm 2019 tại phòng trọ của Trần B (sinh ngày 20 tháng 4 năm 1971; tạm trú tại tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng) thuộc tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Tổ công tác Công an phường Sông Hiến bắt quả tang B đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Vật chứng thu giữ: 02 (hai) gói tinh thể màu trắng đục (B khai đây là ma túy đá) thu giữ trên giường ngủ của B; 01 bình dụng cụ sử dụng ma túy; 01 cân điện tử màu đen; tiền Việt Nam 9.000.000đ (chín triệu đồng); 01 xe máy wave α nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 11B1-135.8S màu đen đã qua sử dụng và không có đăng ký xe; 01 điện thoại cảm ứng màu xanh nhãn hiệu realme, số imei1: 861599040640434, số imei2: 861599040640426, máy đã qua sử dụng và không gắn sim; 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu masstel, số imei1: 358372054476644; số imei2: 358372054785648 đã qua sử dụng và gắn sim số 0986376441; 01 điện thoại màu đen vàng, tên điện thoại A11, nhãn hiệu Avio, số imei: 353110230514069 đã qua sử dụng, không có nắp sau và không gắn sim.

Vào hồi 22 giờ 10 phút ngày 02/8/2019 tại Công an thành phố Cao Bằng, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng và giám định viên PC09 Công an tỉnh Cao Bằng tiến hành cân xác định khối lượng tang vật thu giữ của Trần B, kết quả: chất tinh thể màu trắng có khối khối lượng là 0,16g (không phải một sáu gam).

Ngày 12 tháng 8 năm 2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng ra Quyết định trưng cầu giám định số 157 đối với vật chứng vụ án. Tại bản kết luận giám định số 4657/C09-TT2 ngày 20 tháng 8 năm 2019 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: "*mẫu tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy; loại: Methamphetamine*".

Quá trình điều tra, Trần B khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau: Ngày 08 tháng 02 năm 2018, B chấp hành xong án phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy trở về địa phương, đến đầu năm 2019 B bắt đầu sử dụng ma túy “đá”. Khoảng 08 giờ ngày 02 tháng 8 năm 2019, Bằng một mình từ phòng trọ tại tổ M, phường S, thành phố C đi sang Trung tâm H tại tổ H, phường S, thành phố C để tìm mua ma túy “đá” về sử dụng cho bản thân. Tại đây, B thấy một người đàn ông khoảng 30 tuổi (không biết tên và địa chỉ) dáng người giống người nghiện nên hỏi mua với người đó 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng) ma túy “đá”, người đàn ông lấy từ trong túi quần đang mặc ra đưa cho B 01 (một) gói nilon bên trong chứa ma túy “đá”, sau đó B trở về phòng trọ. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, B chia số ma túy đã mua được ra thành 02 (hai) gói nhỏ với mục đích để sử dụng. Sau khi chia xong, B để cả 02 (hai) gói ma túy trên đầu giường ngủ thì bị Công an phường Sông Hiến đến kiểm tra hành chính và bắt quả tang, thu giữ toàn bộ vật chứng như đã nêu ở trên.

- Người có quyền lợi liên quan Phan Thị H trình bày: Nguồn gốc chiếc xe máy wave α nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 11B1-135.8S là của gia đình H, H là người đứng tên để đăng ký xe, hiện giấy tờ xe H đang giữ. Chiếc xe trên H không rõ đang ở đâu vì cuối năm 2018 chồng H là Nông Quang H đã mang đi gán nợ, chồng gán nợ cho ai, ở đâu H không rõ, H chỉ được nghe chồng nói là nợ số tiền 4.000.000đ (bốn triệu đồng) không có tiền trả nên bị giữ xe lại. Chiếc xe máy wave α nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 11B1-135.8S là do vợ chồng H bỏ tiền ra mua về sử dụng, lúc mua là xe mới có giá trị 18.000.000đ (mười tám triệu đồng). Chiếc xe máy là tài sản của vợ chồng H, chồng H là người thường sử dụng chiếc xe máy trên. Hiện nay chồng H đi đâu, làm việc gì H không biết, từ cuối tháng 6/2019 chồng đã bỏ nhà đi cho đến nay không có liên lạc. Chồng mượn tiền ai H không rõ, khoảng cuối tháng 8/2019 có người đến đòi tiền, số tiền họ đòi là 4.000.000đ, người đó có nói trả tiền xong thì lấy xe về. Qua điều tra xác định chồng H có mượn của Trần B số tiền 4.000.000 đ, sau đó không có tiền trả nên đã đem chiếc xe máy wave α Honda, biển kiểm soát 11B1-135.8S đến cho B sử dụng, khi nào có tiền sẽ trả và lấy xe về. Do B hiện đang bị tạm giam nên đã ủy quyền cho Nông Thanh H, địa chỉ tổ H, phường S, thành phố C nhận tiền. Ngày 17/10/2019 H đã trả cho H (người được B ủy quyền) số tiền 4.000.000 đ (bốn triệu đồng). Ngày 21/10/2019 H đã nhận lại tài sản (xe mô tô biển kiểm soát 11B1-135.8S), H không có yêu cầu gì đối với bị cáo B.

Hành vi của Trần B đã bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng lập hồ sơ đề nghị truy tố trước pháp luật về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại bản Cáo trạng số 121/CT-VKSTP ngày 28/11/2019 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố bị cáo Trần B về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của Trần B đủ yếu tố cấu thành tội: "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

Tại phiên tòa Trần B khai nhận về hành vi phạm tội của mình: Ngày 02/8/2019 B được mua ma túy "đá" với một người đàn ông khoảng 30 tuổi tại Trung tâm H (phường S, thành phố C) với số tiền 200.000đ được 01(một) gói. Sau khi mua được số ma túy đó B đi về nhà riêng tại phòng trọ tại tổ M, phường S, thành phố C. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, B chia số ma túy đã mua được ra thành 02 (hai) gói nhỏ. Sau khi chia xong, B để cả 02 (hai) gói ma túy trên đầu giường ngủ thì bị Công an phường Sông Hiến đến kiểm tra hành chính và bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Đây là lần đầu tiên B mua ma túy "đá" với người đàn ông đó nên B không biết họ tên, địa chỉ của người đó. B mua số ma túy "đá" ngày 02/8/2019 về mục đích là để sử dụng cho bản thân, không có mục đích nào khác.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần B nhất trí với khối lượng ma túy (đá) bị thu giữ và nội dung bản kết luận giám định số 4657/C09-TT2 ngày 20 tháng 8 năm 2019 và không có ý kiến hay khiếu nại về kết luận giám định của Viện khoa học hình sự Bộ công an.

Lời khai của người có quyền lợi liên quan tại cơ quan điều tra phù hợp với lời khai của bị cáo tại phiên tòa. Tại phiên tòa người có quyền lợi liên quan Phan Thị H vắng mặt, có lý do. Xét thấy, Phan Thị H đã có lời khai tại cơ quan điều tra và tài sản bị tạm giữ 01 xe máy wave α nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 11B1-135.8S màu đen đã qua sử dụng và không có đăng ký xe. H đã nhận lại tại cơ quan Công an và không yêu cầu gì thêm. Việc H vắng mặt tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Phan Thị H.

Vật chứng bị thu giữ: 02 (hai) gói tinh thể màu trắng đục (B khai đây là ma túy "đá") có khối lượng 0,16g thu giữ trên giường ngủ của B; 01 bình dụng cụ sử dụng ma túy đá; 01 cân điện tử màu đen (là vật chứng vụ án); tiền Việt Nam 9.000.000 đ là tiền của bị cáo do lao động mà có, tại phiên tòa bị cáo đề nghị được nhận lại số tiền đó; 01 (một) xe máy wave α nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 11B1-135.8S màu đen đã qua sử dụng và không có đăng ký xe; qua điều tra xác định được là xe mô tô của Phan Thị H (sinh năm 1982; trú tại tổ B, phường H, thành phố C). Cuối năm 2018, chồng chị H là Nông Quang H mượn tiền của B 4.000.000 đ và đã để xe lại thế chấp cho B, hẹn sau khi trả lại tiền cho B sẽ mang xe về, chiếc xe trên B sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày. Ngày 17 tháng 10 năm 2019, chị H đã trả lại cho B 4.000.000 đ (bốn triệu đồng), B nhất trí trả lại xe cho chị H, chị H đã nhận lại xe máy; 01 điện thoại cảm ứng màu xanh nhãn hiệu realme; 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu masstel; 01 điện thoại màu đen vàng, tên điện thoại A11, nhãn hiệu Avio đều đã qua sử dụng là điện thoại của B dùng để liên lạc hàng ngày, không sử dụng điện thoại để mua ma túy.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trần B về tội danh, điều luật như đã nêu trong bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm năm 2015. Tuyên bố: bị cáo Trần B phạm tội tàng trữ trái phép chất ma túy. Về hình phạt chính: đề nghị xử phạt bị cáo Trần B với mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Hình phạt bổ sung: bị cáo không có nghề nghiệp ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Áp dụng Điều 47

Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, xử lý vật chứng: xử tịch thu tiêu hủy 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật hoàn trả sau giám định, 01 cân điện tử và 01 bình dụng cụ sử dụng ma túy đá; Trả lại cho bị cáo số tiền 9.000.000 đ nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án và 01 điện thoại cảm ứng màu xanh nhãn hiệu realme, 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu masstel, 01 điện thoại màu đen vàng nhãn hiệu Avio.

Về án phí: theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội... Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

Tại phần tranh luận bị cáo không có ý kiến tranh luận với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng.

Khi được nói lời sau cùng bị cáo biết hành vi bị cáo thực hiện là sai, là vi phạm pháp luật, rất hối hận với hành vi của bị cáo, hiện bị cáo còn nuôi con nhỏ đang ốm và mẹ già mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo có cơ hội sớm trở về.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố Cao Bằng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo Trần B đã thừa nhận về hành vi phạm tội của mình và khai: Khoảng 08 giờ ngày 02 tháng 8 năm 2019, B một mình từ phòng trọ tại tổ M, phường S, thành phố C đi sang Trung tâm H tại phường S, thành phố C để tìm mua ma túy “đá” về sử dụng cho bản thân. Tại đây, B gặp một người đàn ông khoảng 30 tuổi (không biết tên và địa chỉ) dáng người giống người nghiện nên hỏi mua với người đó 200.000 đ (hai trăm nghìn đồng), người đàn ông lấy từ trong túi quần đang mặc ra đưa cho B 01 (một) gói nilon bên trong chứa ma túy “đá”, sau khi mua được ma túy đá B trở về phòng trọ của mình. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, B chia số ma túy đã mua được ra thành 02 (hai) gói nhỏ. Sau khi chia xong, B để cả 02 (hai) gói ma túy trên đầu giường ngủ thì bị Công an phường Sông Hiến đến kiểm tra hành chính và bắt quả tang, thu giữ vật chứng gồm ma túy, điện thoại và tiền mặt. Mục đích B mua số ma túy đá "Methamphetamine" ngày 02/8/2019 là để sử dụng cho bản thân, không có mục đích nào khác. Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 02 tháng 8 năm 2019, tại phòng trọ thuộc tổ M, phường S, thành phố C, tỉnh Cao Bằng, tổ công tác Công an phường Sông Hiến bắt quả tang Trần B có hành vi tàng trữ trái

phép 0,16g (không phải một sáu gam) Methamphetamine nhằm mục đích sử dụng cho bản thân.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước ta về chất ma túy. Bị cáo là người đã đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật hình sự. Là người đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra. Mục đích của bị cáo là mua số ma túy đá (Methamphetamine) đó về để sử dụng cho bản thân, không có mục đích khác, không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển hay sản xuất trái phép chất ma túy. Bị cáo nhận thức được hành vi bị cáo thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Trong vụ án này Hội đồng xét xử xác định bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khối lượng ma túy bị cáo tàng trữ 0,16 gam, bị cáo có 01 tiền án đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý.

Như vậy, hành vi của bị cáo Trần B đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015.

"Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

...

o) Tái phạm nguy hiểm.

..."

Bị cáo là người có đủ năng lực nhận thức, năng lực hành vi. Bị cáo nhận thức rõ ma túy là hàng quốc cấm, pháp luật nghiêm cấm các hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy... đồng thời hiểu biết được sự nguy hiểm và tác hại của chất ma túy nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Khối lượng ma túy Methamphetamine bị cáo tàng trữ 0,16 gam nhưng bị cáo có 01 tiền án đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Trần B về tội tàng trữ trái phép chất ma túy với tình tiết định khung tái phạm nguy hiểm quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo: Hành vi phạm tội của bị cáo Trần B là trái pháp luật, là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó không chỉ xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn là nguyên nhân làm nảy sinh các loại tội phạm khác, gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây lo lắng trong quần chúng nhân dân. Bị cáo nhận thức rõ hành vi tàng trữ ma túy là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng do nhu cầu sử dụng của bản thân bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Vì vậy, việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là đúng và cần thiết. Hành vi phạm tội của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm minh trước pháp luật, có như vậy mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về nhân thân của bị cáo: Bị cáo Trần B là người có năng lực nhận thức, năng lực hành vi nhưng do không chịu tu dưỡng, rèn luyện bản thân, bị cáo đã sử dụng ma túy và có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Bản thân đã nhiều lần bị kết án về tội Mua bán trái phép chất ma túy, một lần bị kết án về tội Trộm cắp tài sản công dân: Ngày 26 tháng 7 năm 1993, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 03 năm tù về tội Buôn lậu; Ngày 28 tháng 10 năm 1993, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 03 năm tù về tội Trộm cắp tài sản của công dân; Ngày 27 tháng 5 năm 1998, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 08 năm tù về các tội Mua bán trái phép chất ma túy và Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Ngày 29 tháng 4 năm 2005, Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy; Ngày 21 tháng 12 năm 2012, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt 07 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Xét nhân thân bị cáo là xấu, là đối tượng nghiện ma túy. Mặc dù đã được cải tạo, giáo dục nhiều lần nhưng khi về địa phương bị cáo không lấy đó làm bài học cho mình, vẫn coi thường pháp luật, tiếp tục đi vào con đường phạm tội. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thừa nhận về hành vi mình đã thực hiện (mục đích mua ma túy đá "Methamphetamine" về để sử dụng, không có mục đích nào khác). Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 nên cần áp dụng cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ này.

Nhưng bị cáo có 01 tiền án: Năm 2012 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt 07 (bảy) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy theo quy định tại điểm p khoản 2 Điều 194 Bộ luật hình sự 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009 (tái phạm nguy hiểm), bị cáo chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, do đó hành vi phạm tội lần này của bị cáo thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, đây là tình tiết định khung hình phạt quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 nên không coi là tình tiết tăng nặng. Do đó, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào tại khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo" quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần B với mức án tù 05 năm 06 tháng đến 06 năm tù. Hội đồng xét xử xét thấy mức đề nghị hình phạt của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng đối với bị cáo B là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, khối lượng Methamphetamine bị cáo tàng trữ 0,16 gam, do bị cáo có 01 tiền án đã tái phạm chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do cố ý, bị cáo được áp dụng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự "thành khẩn khai báo" tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, không có tình tiết tăng nặng nên khi quyết định hình phạt cần căn cứ tính chất mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo để có mức hình phạt tương xứng

với hành vi của bị cáo nên chấp nhận một phần đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về hình phạt chính: Căn cứ vào quy định của Bộ luật hình sự, căn cứ tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với hành vi bị cáo đã thực hiện. Cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt có ích cho gia đình và xã hội.

[7] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định "Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản". Vì vậy, ngoài hình phạt chính theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Tuy nhiên, bị cáo là đối tượng nghiện ma túy, không có nghề nghiệp ổn định. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo Trần B.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Đối với chiếc xe mô tô Honda Wave α màu đen mang biển kiểm soát 11B1-135.8S tạm giữ của bị cáo, qua điều tra cơ quan điều tra xác định được chiếc xe mô tô là của Phan Thị H (sinh năm 1982; trú tại tổ B, phường H, thành phố C). Cuối năm 2018, chồng của chị H là Nông Quang H (sinh năm 1982; trú tại tổ B, phường H, thành phố C) mượn tiền của B 4.000.000 đ (bốn triệu đồng) và đã để xe lại thế chấp cho B, hẹn sau khi trả lại tiền cho B sẽ mang xe về, chiếc xe trên B sử dụng làm phương tiện đi lại hàng ngày. Ngày 17 tháng 10 năm 2019, chị H đã trả lại cho B 4.000.000 đ (bốn triệu đồng), B nhất trí trả lại xe cho chị H nên ngày 21 tháng 10 năm 2019 cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe cho chị H. Xét thấy, việc trả lại tài sản cho chị Phan Thị H của cơ quan Công an là đúng theo quy định tại Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Tại phiên tòa Phan Thị H vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt, đã nhận lại tài sản là xe mô tô. Chị H không yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét về bồi thường.

[9] Về vật chứng, xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án hiện đang tạm giữ tại kho tang vật của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản bàn giao vật chứng ngày 06 tháng 12 năm 2019 gồm:

- 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật hoàn trả sau giám định số 4657/C09 (TT2) của Viện khoa học hình sự Bộ công an; 01 (một) cân điện tử màu đen; 01 (một) bình dụng cụ sử dụng ma túy là vật chứng của vụ án. Căn cứ vào điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 cần xử tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động màu xanh nhãn hiệu realme; 01 điện thoại di động màu đen nhãn hiệu masstel; 01 điện thoại màu đen vàng, tên điện thoại A11, nhãn hiệu Avio đều đã qua sử dụng là điện thoại của bị cáo, bị cáo dùng để liên lạc

hàng ngày, không sử dụng điện thoại đó để liên lạc mua ma túy, không liên quan đến hành vi phạm tội, cần xử trả lại cho bị cáo.

- Số tiền 9.000.000 đ (chín triệu đồng) là tiền của bị cáo do lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

[10] Về các vấn đề khác:

Trong vụ án này về nguồn gốc số ma túy, B khai nhận được mua với một người đàn ông khoảng 30 tuổi nhưng không biết tên, địa chỉ, việc trao đổi mua bán không có ai biết và chứng kiến nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Cao Bằng không đủ căn cứ để xác minh, xử lý.

[11] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[12] Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

1. *Tuyên bố*: Bị cáo Trần B phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

2. *Xử phạt*: Bị cáo Trần B 05 năm 03 tháng (năm năm ba tháng) tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày 02 tháng 8 năm 2019.

3. *Về trách nhiệm dân sự*:

Người có quyền lợi liên quan đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét về bồi thường.

4. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 1, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

- Xử tịch thu tiêu hủy:

+ 01 (một) phong bì niêm phong mẫu vật hoàn trả sau giám định số 4657/C09 (TT2) của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an. Mặt sau có chữ ký của các bên tham gia niêm phong cùng 03 dấu tròn của Viện Khoa học hình sự Bộ Công an;

+ 01 (một) cân điện tử màu đen mặt trước có chữ POCKET SCALE;

+ 01 (một) bình dụng cụ sử dụng ma túy đá.

- Xử trả lại cho bị cáo Trần B số tài sản sau:

+ 01 (một) phong bì niêm phong mặt trước phong bì ghi tiền Việt Nam 9.000.000đ (chín triệu đồng chẵn) Trần B. Mặt sau có chữ ký của các bên tham gia niêm phong cùng 03 dấu tròn của cơ quan Cảnh sát điều tra công an thành phố Cao Bằng và 02 dấu tròn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Cao

Bằng. (Kèm theo Kết luận giám định tiền VNĐ số 765/KL- CAB, ngày 04/12/2019 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Cao Bằng);

+ 01 (một) điện thoại di động màu xanh mặt trước có chữ Realme, số IMEI: 861599040640434 và 861599040640426, điện thoại đã qua sử dụng;

+ 01 (một) điện thoại di động màu đen, mặt trước có chữ Masstel, số IMEI: 358372054476644 và 358372054785648, điện thoại đã qua sử dụng;

+ 01 điện thoại màu đen vàng, mặt trước có chữ Avio, mặt sau không có nắp ốp, có số IMEI: 353110230514069, điện thoại cũ đã qua sử dụng.

Xác nhận số vật chứng đã được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng theo biên bản bàn giao vật chứng, tài sản ngày 06/12/2019.

5. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án. Xử:

Bị cáo Trần B phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước.

6. *Về quyền kháng cáo*: Áp dụng Điều 331, Điều 332, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Người có quyền lợi liên quan vắng mặt tại phiên tòa (có lý do) có quyền kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Cao Bằng;
- Công an tỉnh Cao Bằng;
- Viện kiểm sát TP Cao Bằng;
- Công an TP Cao Bằng;
- Thi hành án DS TP Cao Bằng;
- Bị cáo;
- Người có QLLQ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thúy Hằng